

Số: 58/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Thổ, ngày 22 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Thần A T, sinh năm: 1992

Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã X, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai châu.

Nơi công tác: Bản H, xã X, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai châu.

Bị đơn: Chị Thần Thị H, sinh năm: 1994

Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã X, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai châu.

Nơi công tác: Bản H, xã X, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn anh Thần A T và bị đơn chị Thần Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Thần A T và bị đơn chị Thần Thị H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Thần A T và chị Thần Thị H có 02 con chung: cháu lớn tên là Thần Thị Y sinh ngày 14 tháng 10 năm 2012, cháu nhỏ tên là Thần Thị T

sinh ngày 02 tháng 7 năm 2015. Nguyên đơn anh T và bị đơn chị H đã thỏa thuận, thống nhất sẽ giao cháu Thần Thị Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Y cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Còn chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận nguyên đơn anh Thần A T và bị đơn chị Thần Thị H không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không có nợ chung

2.5. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ án phí của vụ án sẽ do nguyên đơn chịu thay cho cả phần án phí của bị đơn. Vậy nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0004549, ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy khấu trừ án phí Nguyên đơn được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá